

Số: 13/QĐ-THCSHL

Hàm Liêm, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân công chuyên môn lần 07, Học kì II, năm học 2025 – 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HÀM LIÊM

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ vào quy mô trường, lớp, số lượng học sinh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiện có của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công chuyên môn **lần 07**, học kì II, năm học 2025 – 2026 cho 44 cán bộ, giáo viên, nhân viên (có bảng phân công kèm theo).

Điều 2. Bảng phân công chuyên môn này được áp dụng từ ngày 02/3/2026. Phân công phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trách nhiệm sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy đảm bảo đúng chương trình và các quy định hiện hành.

Điều 3. Lãnh đạo trường, tổ chuyên môn, các cá nhân, các bộ phận có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH (b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: CM, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lương Thanh Dũng

PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN LẦN 07_HKII, NĂM HỌC 2025 - 2026

Khối 6: 5 lớp; Khối 7: 5 lớp; Khối 8: 5 lớp; Khối 9: 4 lớp.

Lần 07: Áp dụng từ tuần 23, ngày 02/3/2026

(Kèm theo QĐ số: **13/QĐ-THCSHL**, ngày 27/02/2026)

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiêm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
1	Lương Thanh	Dũng	P.HT	Nam	x	2006	ĐHSP	Địa	Sử	BTCB		Phụ trách chung			
2	Nguyễn Thành	Đông	P.HT	Nam	x	2004	ĐHSP	Toán	Tin	P.BTCB		Phụ trách chuyên môn +Tin 8 ^{4,5} /2+Tin 9 ^{1,2} /2		4	
3	Đặng Thị Thu	Hiền	P.HT	Nữ	x	2003	ĐHSP	Anh				Phụ trách CSVC +Anh 9 ^{1/3} +Anh 7 ^{1,2} /6		9	5
4	Nguyễn Minh	Đôn	GV.TPT	Nam	x	2005	ĐHSP	GDTC				GDTC 7 ^{4,5} /4		4	
	Tổ Toán - Tin														
5	Lương Diễm	Ý	TTCM	Nữ	x	2003	ĐHSP	Toán	Tin	TTCM	3	Toán 9 ^{1,2,3} /12 + TC Toán 9 ^{1,2} /4	16	19	0
6	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	GV	Nữ		1993	ĐHSP	Toán				Toán 9 ⁴ /4 +Toán 6 ^{1,2,3} /12+TC Toán 9 ^{3,4} /4	20	20	1
7	Nguyễn Thị Kim	Tiến	GV	Nữ		2001	ĐHSP	Toán	Tin			Toán 8 ¹ /4 +Toán 7 ^{1,2,5} /12+PD Toán 7/2	18	18	-1
8	Nguyễn Văn	Lương	GV	Nam	x	1994	CĐSP	Toán				Toán 7 ^{3,4} /8 +Toán 6 ^{4,5} /8+PD Toán 6/2	18	18	-1
9	Trần Thị	Vẹn	GV	Nữ	x	1997	ĐHSP	Toán	Tin			Toán 8 ^{2,3,4,5} /16+PD Toán 8/2	18	18	-1
10	Đào Quốc	Trọng	TPCM	Nam	x	2009	ĐHSP	Tin		PT.CNTT, TPCM	4	Tin 6 ^{1,2,3,4,5} /5+Tin 8 ^{1,2,3} /3 + Tin 9 ^{3,4} /2 +Tin 7 ^{1,2,3,4,5} /5	15	19	0
	Tổ KHTN- C. Nghệ														
11	Phạm Thanh	Là	TTCM	Nam	x	1995	ĐHSP	Hóa	KTNN	CN 9 ³ , TTCM	7	HĐTNHN 9 ³ /3+KHTN(H) 9 ^{1,3,4} /3 ++KHTN(L) 7 ^{1,2,3} /6	12	19	0

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
12	Huỳnh Thị	Hương	GV	Nữ	x	1997	ĐHSP	Hóa	Lý	CN 9 ²	4	HĐTNHN 9 ² /3+KHTN(H) 8 ^{1,2,3,4,5} /5+KHTN(H) 9 ² /1+KHTN(H) 7 ^{1,2,3,4,5} /5+CNgh 6 ² /1	15	19	0
13	Văn Thị	Hiệp	GV	Nữ	x	2002	ĐHSP	Hóa	Sinh	CN 6 ⁵	4	HĐTNHN 6 ⁵ /3+KHTN(S) 6 ^{2,5} /2 +KHTN(S) 8 ^{1,2,3,4,5} /10	15	19	0
14	Mai Thị	Lan	GV	Nữ	x	2004	ĐHSP	Sinh	KTNN	CN 9 ¹	4	HĐTNHN 9 ¹ /3 +KHTN(S) 9 ^{1,2,3,4} /4+KHTN(S) 7 ^{1,2,3,4,5} /5+KHTN(S) 6 ^{1,3,4} /3	15	19	0
15	Nguyễn Thị Minh	Châu	TPCM	Nữ		1997	ĐHSP	Lý	KTCN	CN 8 ⁵ , TPCM	5	HĐTNHN 8 ⁵ /3+KHTN(L) 8 ^{2,5} /2 +CNgh khối 8/10	15	20	1
16	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	GV	Nữ	x	2002	ĐHSP	Lý	Tin	CN 8 ⁴	4	HĐTNHN 8 ⁴ /3+KHTN(L) 8 ^{1,3,4} /3+KHTN(L) 6 ^{1,2,3,4,5} /10	16	20	1
17	Tống Thị Ái	Liên	GV	Nữ	x	1999	ĐHSP	Lý	Hoá	CN 6 ³ , PCGD	8	HĐTNHN 6 ³ /3+CNgh 6 ^{1,3,4,5} /4 +KHTN(H) 6 ^{1,2,3,4,5} /5	12	20	1
18	Huỳnh Thị Thanh	Dung	GV	Nữ	x	1999	ĐHSP	Lý	Hoá	CN 7 ⁴	4	HĐTNHN 7 ⁴ /3+KHTN(L) 9 ^{1,2,3,4} /8 + KHTN(L) 7 ^{4,5} /4	15	19	0
19	Lê Thị	Ngân	GV	Nữ	x	2008	ĐHSP	KTGD	KTNN	CN 7 ⁵	4	HĐTNHN 7 ⁵ /3+CNgh 7 ^{1,2,3,4,5} /5 +CNgh 9 ^{1,2,3,4} /8	16	20	1
	Tổ Anh - Năng khiếu														
20	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	TTCM	Nữ	x	2002	ĐHSP	Anh		TTCM	3	Anh 9 ^{2,3,4} /9 + Anh 6 ^{1,2,3,4,5} /15	24	27	8
21	Cù Thị Thu	Thảo	GV	Nữ		2002	ĐHSP	Anh				Anh 8 ^{1,2,3,4,5} /15 + Anh 7 ^{3,4,5} /9	24	24	5
22	Nguyễn Thị Kim	Hòa	GV	Nữ		2003	CĐSP	GDTC		CN 8 ²	4	HĐTNHN 8 ² /3+GDTC khối 8/10 + GDTC khối 9 ¹ /2	15	19	0
23	Bùi Thị Thanh	Thủy	GV	Nữ		2002	ĐHSP	GDTC				GDTC 6 ^{3,4,5} /6 + GDTC 7 ^{1,2,3} /6 + GDTC 9 ^{2,3,4} /6	18	18	-1

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)
							Trình độ	Môn 1	Môn 2						
24	Lê Thụy Đào Diễm	Phúc	TPCM	Nữ	x	2004	ĐHSP	Nhạc	KTPV	TB.VT, TPCM	3	N.Thuật(N) khối 7/5+ N.Thuật(N) khối 9/4 + N.Thuật(MT) khối 9/4 +MTĐP khối 9/1,6+ANĐP khối 9/0,8	15.4	18.4	-0.6
25	Phạm Thị	Diễm	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Nhạc	MT			N.Thuật(N) khối 6/5+N.Thuật(N) khối 8/5+N.Thuật(MT) khối 8/5+ MTĐP khối 8/1,5+ ANĐP khối 6/1,0+ ANĐP khối 7/1,5	19	19	0
	TỔ KHXH														
26	Nguyễn Ngọc	Vy	TTCM	Nữ	x	2001	CĐSP	Văn	Sử	TTCM	3	Văn 9 ^{3,4} /8 + Văn 7 ^{4,5} /8	16	19	0
27	Ngô Thị Vinh	Thùy	GV	Nữ	x	2004	ĐHSP	Văn				Văn 9 ^{1,2} /8 + Văn 6 ^{1,2,3} /12	20	20	1
28	Nguyễn Thị	Hạnh	GV	Nữ		2005	ĐHSP	Văn	Sử			Văn 8 ^{4,5} /8 + Văn 7 ^{1,2,3} /12	20	20	1
29	Đào Thị Xuân	Hạnh	GV	Nữ		2003	ĐHSP	Văn	GDCD			Văn 6 ^{4,5} /8 + Văn 8 ^{1,2,3} /12	20	20	1
30	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	GV	Nữ	x	2007	ĐHSP	Văn				<i>Nghĩ Thai sản</i>			
31	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	TPCM	Nữ	x	2015	ĐHSP	GDCD		CN 6 ² , TPCM	5	HĐTNHN 6 ² /3+GDCD khối 6/5 + GDCD khối 9/4+Văn ĐP khối 7/2,0	14	19	0
32	Vũ Thị	Thân	GV	Nữ	x	2004	ĐH GDCT	GDCD	Sử	CN 7 ¹	4	HĐTNHN 7 ¹ /3 + GDCD khối 7/5 +GDTC 6 ^{1,2} /4 +GDCD ĐP 6 ^{3,4,5} /0,9 + N.Thuật (MT) 7 ^{1,5} / 2	14.9	18.9	-0.1
33	Huỳnh Thị Bạch	Hiệp	GV	Nữ	x	2005	ĐH GDCT	GDCD	Sử	TVHS, CN 8 ³	8	HĐTNHN 8 ³ /3 + GDCD khối 8/5 +N.Thuật (MT) 6 ⁵ /1 +GDCD ĐP khối 8/1,5 +GDCD ĐP 6 ^{1,2} /0,6	11.1	19.1	0.1
34	Nguyễn Thị Ngọc	Lệ	TPCM	Nữ		2003	ĐHSP	Sử	Địa	CN 9 ⁴ , TPCM	5	HĐTNHN 9 ⁴ /3 + LS&ĐL (LS) khối 9/8 +N.Thuật (MT) 7 ² /1+ L.Sử ĐP khối 9/1,6	13.6	18.6	-0.4
35	Nguyễn Ngọc Thiên	Kiều	GV	Nữ		2003	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 8 ¹	4	HĐTNHN 8 ¹ /3 + LS&ĐL (LS) 8 ^{1,2,3,4,5} /5 + LS&ĐL (LS) 7^{1,2}/4 +N.Thuật(MT) 6 ^{2,3} /2 +MTĐP khối 7/1	15	19	0

S T T	Họ và tên CB- GV -NV		Chức vụ	Giới tính	Đảng viên	Năm vào ngành	Trình độ chuyên môn đào tạo			Kiểm nhiệm	Số tiết KN	Phân công chuyên môn	Số tiết thực dạy	TS tiết công tác	Thừa (+), Thiếu (-)	
							Trình độ	Môn 1	Môn 2							
36	Hà Thị Phúc	Hiệp	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 6 ⁴	4	HĐTNHN 6 ⁴ /3 + LS&ĐL (LS) 6 ^{1,2,3,4,5} /5 + LS&ĐL (ĐL) 6 ^{3,4,5} /6 +N.Thuật(MT) 6 ⁴ /1	15	19	0	
37	Phạm Thị	Loan	GV	Nữ	x	2003	CĐSP	Sử	Địa	CN 7 ³	4	HĐTNHN 7 ³ /3 + LS&ĐL (ĐL) 8 ^{3,4,5} /6 + LS&ĐL (ĐL) 7 ^{3,4,5} /3 +N.Thuật (MT) 7 ^{3,4} /2+MTĐP khối 6/1,5	15.5	19.5	0.5	
38	Lê Trần Phương	Uyên	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Sử	GDCD	CN 6 ¹	4	HĐTNHN 6 ¹ /3 + LS&ĐL (ĐL)6 ^{1,2} /4 + LS&ĐL (LS) 7 ^{3,4,5} /6+N.Thuật (MT) 6 ¹ /1+LSĐP khối 6/1	15	19	0	
39	Đặng Thị Mai	Phương	GV	Nữ		2004	ĐHSP	Địa	Sử	CN 7 ²	4	HĐTNHN 7 ² /3 + LS&ĐL (ĐL) Khối 9/4 + LS&ĐL (ĐL) 7 ^{1,2} /2 +LS&ĐL (ĐL) 8 ^{1,2} /4 ĐLĐP khối 8/2	15	19	0	
Tổ Văn Phòng																
40	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	TPVP	Nữ	x	2005	ĐH Kế toán									
41	Lưu Thị Mỹ	Thi	NV	Nữ		2005	ĐH Kế toán									
42	Thái Khắc	Toàn	NV	Nam		2006	TC Y sỹ									
43	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	NV	Nữ	x	2004	TC Kế toán									
44	Lương Tấn	Thy	NV	Nam		2017	TC Du lịch									

Hàm Liêm, ngày 27 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP
P.HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Lương Thanh Dũng

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG_KHỐI 6&8 (TIN HỌC, GDĐP, GDTC, PHỤ ĐẠO)

Lần 07: Áp dụng từ tuần 23, ngày 02/3/2026

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵	
Hai	1											
	2											
	3											
	4											
Ba	1	<i>Phụ đạo Toán (Lương)</i>					GDĐP					GDTC (Hòa)
	2	<i>Phụ đạo Toán (Lương)</i>					Tin (Trọng)	GDĐP				GDTC (Hòa)
	3							Tin (Trọng)	GDĐP	GDTC (Hòa)		
	4								Tin (Trọng)	GDTC (Hòa)		
Tư	1		GDTC (Thần)			GDĐP	<i>Phụ đạo Toán (Ven)</i>					
	2		GDTC (Thần)		GDĐP	Tin (Trọng)	<i>Phụ đạo Toán (Ven)</i>					
	3	GDTC (Thần)		GDĐP	Tin (Trọng)							
	4	GDTC (Thần)		Tin (Trọng)								
Năm	1				GDTC (Thủy)			GDTC (Hòa)				
	2				GDTC (Thủy)			GDTC (Hòa)				
	3						GDTC (Hòa)			GDĐP	Tin (Đông)	
	4						GDTC (Hòa)			Tin (Đông)	GDĐP	
Sáu	1		GDĐP	GDTC (Thủy)					GDTC (Hòa)			
	2	GDĐP	Tin (Trọng)	GDTC (Thủy)					GDTC (Hòa)			
	3	Tin (Trọng)				GDTC (Thủy)						
	4					GDTC (Thủy)						

LƯU Ý:

***GDĐP Khối 6: Học phòng 3**

- Từ tuần 19 đến tuần 22: Âm nhạc ĐP (Diễn).
- Từ tuần 23 đến tuần 27: Mĩ thuật ĐP (Loan).
- Từ tuần 28 đến tuần 30: Lịch sử ĐP (Uyên).
- Từ tuần 31 đến tuần 35: GDCD ĐP (Thần^{3,4,5}, B,Hiệp^{6^{1,2}}).

***Phụ đạo Toán 6 học phòng 4:**

***GDĐP Khối 8: Học phòng 3**

- Từ tuần 19 đến tuần 25: Địa lí ĐP (Phương);
- Từ tuần 26 đến tuần 30: GDCD ĐP (B.Hiệp);
- Từ tuần 31 đến tuần 35: Mĩ thuật ĐP (Diễn).

***Phụ đạo Toán 8 học phòng 8:**

Hàm Liêm, ngày 25 tháng 02 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU
Lần 07: Áp dụng từ tuần 23, ngày 02/3/2026

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵
Hai	1	KHTN (S-Lan)	KHTN (L-Nguyễn)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	KHTN (H-Liên)	KHTN (S-V.Hiệp)	C.Nghệ (Châu)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (C.Thảo)	GDCD (B.Hiệp)
	2	N.Thuật (MT-Uyên)	KHTN (H-Liên)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	KHTN (L-Nguyễn)	KHTN (S-V.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	C.Nghệ (Châu)	GDCD (B.Hiệp)	Anh (C.Thảo)
	3	LS&ĐL (Đ-Uyên)	C.Nghệ (Hương)	KHTN (L-Nguyễn)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	Văn (X.Hạnh)	GDCD (B.Hiệp)	Anh (C.Thảo)	LS&ĐL (S-Kiều)	KHTN (S-V.Hiệp)
	4	GDCD (H.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Uyên)	N.Thuật (MT-Kiều)	KHTN (L-Nguyễn)	KHTN (H-Liên)	KHTN (H-Hương)	Anh (C.Thảo)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	C.Nghệ (Châu)
	5	KHTN (L-Nguyễn)	KHTN (S-V.Hiệp)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	N.Thuật (MT-B.Hiệp)	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (C.Thảo)	Văn (X.Hạnh)	C.Nghệ (Châu)	KHTN (H-Hương)
	6	<i>Chào cờ</i>									
Ba	1	Toán (Thảo)	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Lương)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Văn (T.Hạnh)	N.Thuật (N-Điền)
	2	Toán (Thảo)	Anh (H.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Toán (Lương)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Vẹn)	Anh (C.Thảo)	N.Thuật (N-Điền)	LS&ĐL (Đ-Loan)
	3	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Thảo)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Toán (Lương)	Văn (X.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	N.Thuật (N-Điền)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Văn (T.Hạnh)
	4	LS&ĐL (S-P.Hiệp)	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Lương)	LS&ĐL (Đ-Phương)	N.Thuật (N-Điền)	Toán (Vẹn)	Anh (C.Thảo)	Văn (T.Hạnh)
	5	Anh (H.Hạnh)	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	N.Thuật (N-Điền)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)
Tư	1	C.Nghệ (Liên)	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Lương)	Anh (C.Thảo)	Toán (Vẹn)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	N.Thuật (MT-Điền)
	2	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	C.Nghệ (Liên)	Toán (Lương)	KHTN (S-V.Hiệp)	Toán (Vẹn)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (MT-Điền)	Anh (C.Thảo)
	3	Văn (Thùy)	Toán (Thảo)	C.Nghệ (Liên)	Toán (Lương)	Anh (H.Hạnh)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (S-V.Hiệp)	N.Thuật (MT-Điền)	Anh (C.Thảo)	LS&ĐL (Đ-Loan)
	4	Anh (H.Hạnh)	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Toán (Lương)	C.Nghệ (Liên)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (MT-Điền)	KHTN (S-V.Hiệp)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Toán (Vẹn)
	5	/	/	/	/	/	N.Thuật (MT-Điền)	Văn (X.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-Loan)	Toán (Vẹn)	KHTN (S-V.Hiệp)

Thứ	Tiết	6 ¹	6 ²	6 ³	6 ⁴	6 ⁵	8 ¹	8 ²	8 ³	8 ⁴	8 ⁵
Năm	1	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	N.Thuật (N-Diễn)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (L-Nguyệt)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	C.Nghệ (Châu)	Toán (Vẹn)	KHTN (H-Hương)	Văn (T.Hạnh)
	2	Anh (H.Hạnh)	KHTN (L-Nguyệt)	Văn (Thùy)	Văn (X.Hạnh)	N.Thuật (N-Diễn)	C.Nghệ (Châu)	LS&ĐL (Đ-Phuong)	KHTN (H-Hương)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)
	3	N.Thuật (N-Diễn)	Toán (Thảo)	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	Văn (X.Hạnh)	KHTN (L-Nguyệt)	KHTN (H-Hương)	Anh (C.Thảo)	C.Nghệ (Châu)	Toán (Vẹn)
	4	Văn (Thùy)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Thảo)	N.Thuật (N-Diễn)	Văn (X.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	KHTN (L-Châu)	KHTN (L-Nguyệt)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Vẹn)
	5	Văn (Thùy)	N.Thuật (N-Diễn)	Toán (Thảo)	KHTN (L-Nguyệt)	Anh (H.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	Văn (X.Hạnh)	Toán (Vẹn)	Văn (T.Hạnh)	KHTN (L-Châu)
Sáu	1	LS&ĐL (Đ-Uyên)	N.Thuật (MT-Kiều)	GDCD (H.Hạnh)	Anh (H.Hạnh)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	GDCD (B.Hiệp)	C.Nghệ (Châu)	KHTN (S-V.Hiệp)	KHTN (L-Nguyệt)	Toán (Vẹn)
	2	KHTN (H-Liên)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (L-Nguyệt)	LS&ĐL (Đ-P.Hiệp)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Tiền)	LS&ĐL (S-Kiều)	GDCD (B.Hiệp)	Toán (Vẹn)	C.Nghệ (Châu)
	3	KHTN (L-Nguyệt)	LS&ĐL (Đ-Uyên)	KHTN (H-Liên)	N.Thuật (MT-P.Hiệp)	GDCD (H.Hạnh)	Toán (Tiền)	KHTN (S-V.Hiệp)	C.Nghệ (Châu)	Toán (Vẹn)	LS&ĐL (S-Kiều)
	4	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Hòa)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)
	5	HĐTNHN (Uyên)	HĐTNHn (H.Hạnh)	HĐTNHN (Liên)	HĐTNHN (P.Hiệp)	HĐTNHN (V.Hiệp)	HĐTNHN (Kiều)	HĐTNHN (Hòa)	HĐTNHN (B.Hiệp)	HĐTNHn (Nguyệt)	HĐTNHN (Châu)

Hàm Liêm, ngày 25 tháng 02 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU SÁNG
Lần 07: Áp dụng từ tuần 23, ngày 02/3/2026

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Hai	1	<i>Chào cờ</i>								
	2	N.Thuật (MT-Thần)	KHTN (L-Là)	C.Nghệ (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Loan)	KHTN (S-Lan)	Văn (Thùy)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (Đ-Phương)	LS&ĐL (S-Lệ)
	3	Văn (T.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	LS&ĐL (Đ-Loan)	KHTN (S-Lan)	N.Thuật (MT-Thần)	Văn (Thùy)	LS&ĐL (S-Lệ)	C.Nghệ (Ngân)	KHTN (L-Dung)
	4	Văn (T.Hạnh)	GDCD (Thần)	KHTN (L-Là)	KHTN (H-Hương)	LS&ĐL (Đ-Loan)	LS&ĐL (Đ-Phương)	C.Nghệ (Ngân)	KHTN (L-Dung)	Văn (Vy)
	5	KHTN (H-Hương)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Văn (T.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	GDCD (Thần)	C.Nghệ (Ngân)	Văn (Thùy)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Vy)
	6	LS&ĐL (Đ-Phương)	Văn (T.Hạnh)	KHTN (H-Hương)	N.Thuật (MT-Loan)	KHTN (L-Dung)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Thùy)	Văn (Vy)	C.Nghệ (Ngân)
Ba	1	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (Hiền)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	Văn (Vy)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	GDCD (H.Hạnh)	KHTN (H-Là)
	2	Anh (Hiền)	N.Thuật (N-Phúc)	Văn (T.Hạnh)	Anh (C.Thảo)	Văn (Vy)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	KHTN (H-Là)	GDCD (H.Hạnh)
	3	Anh (Hiền)	Văn (T.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)	LS&ĐL (S-Uyên)	Anh (C.Thảo)	Toán (Ý)	GDCD (H.Hạnh)	Văn (Vy)	Toán (Thảo)
	4	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (T.Hạnh)	LS&ĐL (S-Uyên)	Văn (Vy)	N.Thuật (N-Phúc)	KHTN (H-Là)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	Toán (Thảo)
	5	KHTN (L-Là)	LS&ĐL (S-Kiều)	Anh (C.Thảo)	Văn (Vy)	LS&ĐL (S-Uyên)	GDCD (H.Hạnh)	Văn (Thùy)	Toán (Ý)	N.Thuật (MT-Phúc)
Tư	1	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (T.Hạnh)	LS&ĐL (S-Uyên)	Toán (Lương)	Toán (Tiến)	Anh (Hiền)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Vy)	Anh (H.Hạnh)
	2	Toán (Tiến)	LS&ĐL (S-Kiều)	Văn (T.Hạnh)	Toán (Lương)	Văn (Vy)	Anh (Hiền)	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (H.Hạnh)
	3	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Lương)	LS&ĐL (S-Uyên)	Văn (Vy)	LS&ĐL (S-Lệ)	Toán (Ý)	Anh (H.Hạnh)	N.Thuật (N-Phúc)
	4	Văn (T.Hạnh)	Toán (Tiến)	Toán (Lương)	Văn (Vy)	LS&ĐL (S-Uyên)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	LS&ĐL (S-Lệ)
	5	/	/	/	/	/	Toán (Ý)	N.Thuật (N-Phúc)	LS&ĐL (S-Lệ)	Văn (Vy)

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴
Năm	1	Anh (Hiền)	C.Nghệ (Ngân)	Anh (C.Thảo)	Toán (Lương)	Toán (Tiền)	N.Thuật (MT-Phúc)	KHTN (S-Lan)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (L-Dung)
	2	C.Nghệ (Ngân)	Anh (Hiền)	Anh (C.Thảo)	Toán (Lương)	Toán (Tiền)	Toán (Ý)	KHTN (L-Dung)	N.Thuật (MT-Phúc)	Anh (H.Hạnh)
	3	Toán (Tiền)	Anh (Hiền)	KHTN (S-Lan)	Anh (C.Thảo)	C.Nghệ (Ngân)	Toán (Ý)	N.Thuật (MT-Phúc)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Thảo)
	4	Toán (Tiền)	KHTN (S-Lan)	Toán (Lương)	C.Nghệ (Ngân)	Anh (C.Thảo)	Anh (Hiền)	Anh (H.Hạnh)	KHTN (L-Dung)	Toán (Thảo)
	5	KHTN (S-Lan)	Toán (Tiền)	Toán (Lương)	N.Thuật (N-Phúc)	Anh (C.Thảo)	KHTN (L-Dung)	Anh (H.Hạnh)	Toán (Ý)	C.Nghệ (Ngân)
Sáu	1	Toán (Tiền)	KHTN (L-Là)	GDCD (Thản)	Văn (Vy)	KHTN (H-Hương)	KHTN (L-Dung)	C.Nghệ (Ngân)	KHTN (S-Lan)	LS&ĐL (Đ-Phương)
	2	GDCD (Thản)	N.Thuật (MT-Lệ)	KHTN (L-Là)	KHTN (L-Dung)	Toán (Tiền)	KHTN (S-Lan)	KHTN (H-Hương)	C.Nghệ (Ngân)	Văn (Vy)
	3	KHTN (L-Là)	Toán (Tiền)	N.Thuật (MT-Loan)	GDCD (Thản)	KHTN (L-Dung)	C.Nghệ (Ngân)	LS&ĐL (Đ-Phương)	Văn (Vy)	KHTN (S-Lan)
	4	HĐTNHN (Thản)	HĐTNHN (Phương)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Lan)	HĐTNHN (Hương)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)
	5	HĐTNHN (Thản)	HĐTNHN (Phương)	HĐTNHN (Loan)	HĐTNHN (Dung)	HĐTNHN (Ngân)	HĐTNHN (Lan)	HĐTNHN (Hương)	HĐTNHN (Là)	HĐTNHN (Lệ)

Hàm Liêm, ngày 25 tháng 02 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

THỜI KHÓA BIỂU CHIỀU_KHỐI 7&9 (TIN HỌC, GDDP, GDTC, TC TOÁN 9, PHỤ ĐẠO)

Lần 07: Áp dụng từ tuần 23, ngày 02/3/2026

Thứ	Tiết	7 ¹	7 ²	7 ³	7 ⁴	7 ⁵	9 ¹	9 ²	9 ³	9 ⁴	
Hai	2							GDTC (Thủy)		TC Toán (Thảo)	
	3							GDTC (Thủy)		TC Toán (Thảo)	
	4			GDTC (Thủy)			GDTC (Hòa)		TC Toán (Thảo)		
	5			GDTC (Thủy)			GDTC (Hòa)		TC Toán (Thảo)		
Ba	2						TC Toán (Ý)		GDTC (Thủy)		
	3	Phụ đạo Toán (Tiền)						TC Toán (Ý)		GDTC (Thủy)	
	4	Phụ đạo Toán (Tiền)							TC Toán (Ý)		GDTC (Thủy)
	5							TC Toán (Ý)		GDTC (Thủy)	
Tu	2	Tin (Trọng)			GDTC (Đơn)						
	3	GDDP	Tin (Trọng)		GDTC (Đơn)						
	4		GDDP	Tin (Trọng)							
	5			GDDP							
Năm	2	GDTC (Thủy)			Tin (Trọng)	GDDP					
	3	GDTC (Thủy)			GDDP	Tin (Trọng)					
	4		GDTC (Thủy)								
	5		GDTC (Thủy)								
Sáu	2					GDTC (Đơn)			GDDP	Tin (Trọng)	
	3					GDTC (Đơn)			Tin (Trọng)	GDDP	
	4						Tin (Đông)	GDDP			
	5						GDDP	Tin (Đông)			

LƯU Ý:

*GDDP khối 7: Học phòng 3.

- Từ tuần 19 đến tuần 22: Ngữ văn ĐP (N.Hạnh);
- Từ tuần 23 đến tuần 27: Ngữ văn ĐP (H.Hạnh);
- Từ tuần 28 đến tuần 30: Mĩ thuật ĐP (Kiều);
- Từ tuần 31 đến tuần 35: Âm nhạc ĐP (Diễn).

*Phụ đạo Toán 7 học phòng 3:

*GDDP khối 9: Học phòng 3.

- Từ tuần 19 đến tuần 25: Lịch sử ĐP (Lệ).
- Từ tuần 26 đến tuần 29: Nhạc ĐP (Phúc).
- Từ tuần 30 đến tuần 35: Mĩ thuật ĐP (Phúc).

*TC: 9^{1,2}_P.KHTN1; 9^{3,4}_P.KHTN2

Hàm Liêm, ngày 25 tháng 02 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông